

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023
của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao
chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng
và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”; Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt nghiêm túc, sâu sắc Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” (sau đây gọi là Nghị quyết số 42-NQ/TW) gắn với thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong nhận thức và hành động của toàn Đảng, quân và Nhân dân thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu về chính sách xã hội Nghị quyết số 42-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố để triển khai kịp thời, bảo đảm tính khả thi; đồng thời xác định các nội dung trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 42-NQ/TW.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao toàn diện chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm

của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Nội dung các nhiệm vụ, giải pháp phải gắn với thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương về chính sách xã hội, Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 1516/QĐ-TTg, ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố và tình hình thực tế của địa phương; đề cao tính chủ động, sáng tạo, phân công rõ tổ chức và cá nhân chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng, hiệu quả trong thực hiện; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và bổ khuyết nhiệm vụ, giải pháp kịp thời đáp ứng thực tiễn. Đặc biệt, thực hiện tốt chủ trương của Thành ủy “*Đầu tư cho an sinh xã hội phải đi trước so với tốc độ phát triển kinh tế*”.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; hệ thống chính sách xã hội của thành phố thường xuyên được đổi mới và nâng cao chất lượng phù hợp với hệ thống chính sách chung của cả nước theo hướng bảo đảm người dân được tiếp cận tốt, công bằng, bình đẳng với hệ thống an sinh xã hội của thành phố về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin, nước sinh hoạt, vệ sinh, môi trường, văn hóa,... không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, nhất là người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội với mức thụ hưởng cao hơn bình quân chung của cả nước. Phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững, gắn với thực hiện chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội phù hợp với từng thời kỳ, điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, hội nhập quốc tế; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với giải quyết việc làm bền vững, tạo bước đột phá về phát triển nguồn lao động kỹ thuật, nhất là nguồn lao động chất lượng cao, có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, đóng góp quan trọng xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, hộ

cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; tiếp tục trợ giúp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng thoát nghèo; duy trì 100% hộ gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở có nhu cầu được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở theo quy định.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 02%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 03%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52%; khoảng 70% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và khoảng 62% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; khoảng 65% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội;

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 100%, duy trì cấp trung học cơ sở đạt 100%, cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 100%; giữ vững và củng cố kết quả phổ cập xóa mù chữ (100% quận, huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2).

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (từ 2,0 con đến 2,2 con/phụ nữ); tuổi thọ trung bình của người dân đạt 75,5 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; Duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) ở nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; 45 giường bệnh viện, 19 bác sĩ, 04 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế; 100% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 14%; cơ bản chấm dứt bệnh Lao, chấm dứt dịch bệnh AIDS và loại trừ Sốt rét.

- Hoàn thành và vượt chỉ tiêu 33.500 căn nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp và công nhân lao động trong các khu công nghiệp theo Quyết định số 338/QĐ-TTg, ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 và phân đấu hoàn thành chỉ tiêu theo Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 13/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XVI về phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030. 100% nhà ở kiên cố và bán kiên cố; diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 36,5 m² sàn/người.

- 100% hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; duy trì 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phù hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; trên 50% nước thải sinh hoạt trên địa bàn nông thôn được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp.

- Duy trì 100% người dân ở xã hải đảo được thụ hưởng và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Hệ thống chính sách xã hội được phát triển và triển khai hiệu quả toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân thành phố; mọi người dân đều được tiếp cận toàn diện các dịch vụ xã hội, được thụ hưởng tốt những thành quả phát triển thành phố, chỉ số phát triển con người của thành phố (HDI) tiếp tục duy trì ở nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tổ chức quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, trách nhiệm của đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý (nhất là người đứng đầu đơn vị) và Nhân dân. Quyết tâm thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, tạo động lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử. Hằng năm, xây dựng kế hoạch tuyên truyền: Đổi mới nội dung, phương pháp, vận động với nhiều hình thức phong phú, đa dạng bảo đảm phù hợp với các chính sách, với từng đối tượng, thiết thực, hiệu quả; chú trọng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế; tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về chính sách xã hội, khơi dậy tinh thần tự vươn lên của Nhân dân và huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội bền vững. Biểu dương, tuyên truyền sâu rộng những mô hình tốt, cách làm hay và gương tiêu biểu, điển hình tiên tiến có đóng góp tích cực việc thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn thành phố.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban Tuyên giáo Thành ủy; Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Triển khai kịp thời, hiệu quả chính sách xã hội; tiếp tục nghiên cứu ban hành một số cơ chế chính sách đặc thù về chính sách xã hội bảo đảm đồng bộ, khả thi phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thành phố. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả

quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá nhân hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tiếp tục cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong việc tiếp cận chính sách xã hội; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

Tập trung phát triển hạ tầng viễn thông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, số hóa trong quá trình hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Triển khai hiệu quả mã số an sinh xã hội cho người dân, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số. Đẩy mạnh thực hiện thanh toán chế độ chính sách xã hội không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng, ứng dụng thanh toán điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung.

Tăng cường xã hội hóa hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội; đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội hoá.

Bố trí nguồn lực tương xứng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2024 - 2030.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác người có công với cách mạng; giám sát, phản biện việc xác nhận, công nhận và thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công; bảo đảm việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; các chính sách, đề án, chương trình đặc thù của thành phố về hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở đầy đủ, kịp thời theo chỉ đạo của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2025 và đến 2030. Tập trung giải quyết dứt điểm

theo thẩm quyền trường hợp tồn đọng, chưa hưởng hoặc hưởng thiếu chính sách ưu đãi với người có công. Tiếp tục đẩy mạnh huy động, đa dạng hoá các nguồn lực xã hội kết hợp với bố trí tăng ngân sách địa phương để thực hiện chính sách, tri ân người có công với cách mạng. Giải quyết kịp thời chế độ ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, việc làm, sản xuất, tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công với cách mạng luôn được hưởng mức cao nhất trong chính sách xã hội và có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Đẩy mạnh công tác vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đóng góp, ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” nhằm phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”; sử dụng hiệu quả các nguồn lực để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng. Tăng cường công tác quản lý các công trình ghi công liệt sỹ, nghĩa trang liệt sỹ, xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sỹ.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố; Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2024 - 2030.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế. Nâng cao chất lượng dân số; triển khai hiệu quả chính sách quốc gia thích ứng với quá trình già hoá dân số; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành phố.

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của thành phố. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút đội ngũ chuyên gia khoa học công nghệ: biển, logistics, công nghệ điện tử..., nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của thành phố; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tập trung phát triển các trường chất lượng cao.

Tăng cường quản lý nhà nước trong các hoạt động liên quan đến thị trường lao động; Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ. Tổ chức có hiệu quả sàn giao dịch việc làm, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như: tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người lao động, việc làm kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2021-2025 và 2026 - 2030 theo chỉ đạo của Trung ương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, trong đó quan tâm rà soát, hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố; các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2024 - 2030.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội, cơ chế chính sách đặc thù bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Triển khai hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Chú trọng thực hiện, phát triển chính sách bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Đẩy mạnh thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp bảo đảm và nâng cao quyền lợi của người dân tham gia

bảo hiểm y tế. Hoàn thiện các cơ chế chính sách hỗ trợ, mở rộng và phát triển các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nhất là các hộ cận nghèo, các đối tượng thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Tiếp tục nghiên cứu, có chính sách mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; triển khai thực hiện bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia; quản lý an toàn, hiệu quả Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y tế. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp phải hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

Triển khai hiệu quả hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả về đời sống vật chất, tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Tiếp tục nghiên cứu nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức quy định của Trung ương theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách; ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng bảo trợ xã hội; khuyến khích thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập; bảo đảm đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp cả về chất lượng và số lượng; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, gắn công tác giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo; nghiên cứu cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo không còn khả năng lao động, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, giúp giảm nghèo bền vững.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2024 - 2030.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

6.1. Về giáo dục

Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục, đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường; đặc biệt chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút, sử dụng nhân tài. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Giữ vững và củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 3 tuổi và 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng hải đảo, ven biển, khu công nghiệp, khu đông dân cư. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội đối với học sinh sinh viên, duy trì hỗ trợ cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận tốt nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ.

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách để phát triển giáo dục, khuyến khích giáo dục tự thực chất lượng cao. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Ưu tiên xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất để giữ vững, nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên để tạo đột phá phát triển giáo dục thông minh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

6.2. Về Y tế

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe

định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế. Tạo điều kiện phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng bệnh viện tư nhân có quy mô và trình độ ngang tầm khu vực. Phát triển công nghệ y khoa, tiếp nhận kỹ thuật mới, hiện đại để thành phố trở thành trung tâm y tế vùng.

6.3. Về phát triển văn hoá

Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa trong cộng đồng dân cư lành mạnh, tiến bộ, từng bước thu hẹp khoảng cách về thụ hưởng văn hóa giữa các khu vực. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp; xây dựng nếp sống văn minh, lối sống tôn trọng đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong mỗi con người thành phố.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, nhất là các di sản có giá trị tiêu biểu của thành phố; khôi phục, bảo tồn, quảng bá, giới thiệu văn hóa truyền thống, kiến trúc đặc trưng,... của thành phố. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân.

6.4. Về thông tin

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Nâng cấp hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, phủ sóng, cung cấp thông tin cơ bản phục vụ cuộc sống Nhân dân; đầu tư trang thiết bị cho các điểm Bưu điện văn hóa xã, cung cấp dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm bảo đảm cho việc phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân, đặc biệt người dân ở vùng nông thôn, hải đảo. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đặc biệt tại vùng nông thôn, hải đảo, các khu vực tập trung cho công nhân, người lao động.

6.5. Về nhà ở

Nâng cao trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện chủ trương, chính sách về nhà ở. Triển

khai thực hiện tốt Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 13/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XVI về phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm và hằng năm để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt. Đề xuất cơ chế, chính sách phát triển nhà ở bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, Chương trình phát triển nhà ở và tình hình thực tế của từng giai đoạn. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên; tập trung giải quyết vấn đề nhà ở cho người nghèo, người có công, đối tượng đặc biệt khó khăn và nhà ở tái định cư; thúc đẩy phát triển nhà ở cho các đối tượng xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp tại đô thị thông qua việc rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất và ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư xây nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp tại đô thị.

6.6. Về nước sạch, vệ sinh môi trường

Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân ở khu vực nông thôn, hải đảo, vùng bị xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; chú trọng, ưu tiên cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác. Thực hiện mở rộng vùng phục vụ cấp nước của các nhà máy nước đô thị cấp cho khu vực nông thôn liên kết hoặc có hệ thống cấp nước đô thị đi qua. Duy trì các công trình cấp nước sạch tập trung đã nâng cấp quy mô lớn, đang hoạt động bền vững hiện có, chất lượng nước tương đương chất lượng nước của các nhà máy nước đô thị, bảo đảm cung cấp đủ nước cho Nhân dân trên địa bàn các xã đã có công trình cấp nước nhưng không bảo đảm chất lượng cần thay thế. Ưu tiên thu hút đầu tư nâng cấp, mở rộng phạm vi cấp nước đối với các công trình cấp nước đang hoạt động phù hợp với quy hoạch; bảo đảm hoạt động bền vững, có chất lượng nguồn khai thác nước thô tốt, đủ điều kiện mở rộng phạm vi cấp nước cho các khu vực lân cận; Khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị cấp nước đã nâng cấp thực hiện liên kết tận dụng hạ tầng hệ thống phân phối đã đầu tư.

Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường các khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các khu công nghiệp, đô thị, khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước trong công tác nước sạch và vệ sinh môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm cho các công trình phát huy hiệu quả; đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ

quản lý địa phương các quy trình công nghệ xử lý nước đối với từng công trình; tăng cường trách nhiệm của địa phương đối với công tác quản lý công trình.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố; các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2024 - 2030.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ xã hội và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn thành phố đạt tiêu chuẩn theo quy định. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết về pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp; trong đó tập trung phát triển các dịch vụ công tác xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, giải quyết vấn đề nghèo và những vấn đề xã hội khác; chú trọng phát triển mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội... Tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa trên địa bàn thành phố. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập phù hợp với quy hoạch chung của thành phố; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em.

Rà soát, nghiên cứu cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố; các quận ủy, huyện ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2024 - 2030.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm trong thực hiện chính sách xã hội

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổ chức thực

hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2024 - 2030.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp nhất là người đứng đầu; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tạo sự thống nhất cao trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với người có công và bảo đảm an sinh xã hội.

Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực xã hội, nhất là ở cấp cơ sở; có kế hoạch cụ thể thực hiện giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp và kiểm tra tăng cường theo năm để phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các chính sách người có công và bảo đảm an sinh xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội; thường xuyên nắm dư luận Nhân dân, đề xuất, kiến nghị và phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Phối hợp vận động các nguồn lực và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội. Tăng cường các hoạt động giám sát và phản biện xã hội về thực hiện chính sách xã hội.

- *Cơ quan tham mưu thực hiện:* Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; các quận ủy, huyện ủy.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân thành phố; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa, rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách xã hội, tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát, phản biện xã hội về chính sách xã hội.

4. Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về nội dung, kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố huy động và bố trí nguồn lực bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chính sách xã hội của thành phố; theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động này và Kế hoạch số 230-KH/BKTTW, ngày 29/02/2024 của Ban Kinh tế Trung ương về theo dõi, giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (*chủ trì, định kỳ xây dựng dự thảo Báo cáo của Ban Thường vụ Thành ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Kế hoạch số 230-KH/BKTTW trước 20/10 hằng năm để báo cáo Trung ương*); kịp thời báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Thành ủy những vấn đề cần lãnh đạo, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng TW, Ban Kinh tế TW,
- Ban Tuyên giáo TW (để báo cáo),
- Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các ban, cơ quan của Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội TP,
- Các sở, ban, ngành thành phố,
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Lê Tiến Châu